

BÁO CÁO

Về việc thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và phòng ngừa tái nghèo trên địa bàn phường Hương Trà

Thực hiện Quyết định số 02/QĐ-BVHXH ngày 24/4/2026 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân phường Hương Trà về việc thành lập Đoàn giám sát chuyên đề về việc thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và phòng ngừa tái nghèo trên địa bàn phường Hương Trà và Kế hoạch giám sát chuyên đề đối với UBND phường Hương Trà về việc thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và phòng ngừa tái nghèo trên địa bàn phường, UBND phường báo cáo việc thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn phường, cụ thể như sau:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, ban hành văn bản thực hiện

- Trên cơ sở Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17/6/2010; Luật người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009, UBND phường ban hành nhiều văn bản pháp luật, thực hiện các chế độ, chính sách hỗ trợ Người khuyết tật để hướng dẫn thực hiện; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện. Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

- Ngoài ra, UBND phường đã ban hành các kế hoạch: Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 15/01/2026 về Tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi năm 2026; Kế hoạch số 1113/KH-UBND ngày 07/4/2026 về Thực hiện Chiến lược quốc gia về người cao tuổi trên địa bàn phường Hương Trà năm 2026; Kế hoạch số 1210/KH-UBND ngày 13/4/2026 về Thực hiện Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em rối loạn phổ tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng trên địa bàn phường Hương Trà năm 2026; Kế

hoạch số 1211/KH-UBND ngày 13/4/2026 về Thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn phường Hương Trà năm 2026.

- Đồng thời, UBND phường đã ban hành các báo cáo: Báo cáo số 2276/BC-UBND ngày 31/12/2025 về Thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội năm 2025; báo cáo số 1493/BC-UBND ngày 06/11/2025 về Sơ kết thực hiện công tác trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2025; báo cáo số 1659/BC-UBND ngày 19/11/2025 về Kết quả tổ chức Tháng hành động vì người cao tuổi năm 2025; báo cáo số 926 ngày 24/9/2025 về Kết quả thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội và trợ cấp hưu trí xã hội không dùng tiền mặt từ đầu năm 2025 đến tháng 8 năm 2025 trên địa bàn phường Hương Trà; báo cáo số 2277/BC-UBND ngày 31/12/2025 về Kết quả thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì người cao tuổi, Chiến lược quốc gia về người cao tuổi năm 2025, đề xuất kế hoạch năm 2026; báo cáo số 1559/BC-UBND ngày 11/11/2025 về Thi hành Luật người cao tuổi giai đoạn 2010-2025; báo cáo số 922/BC-UBND ngày 24/9/2025 về Kết quả thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Nghị quyết 68/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới phường Hương Trà; báo cáo số 2275/BC-UBND ngày 31/12/2025 về Kết quả thực hiện Chương trình phát triển công tác xã hội năm 2025, đề xuất kế hoạch năm 2026; Báo cáo số 935/BC-UBND ngày 26/3/2026 về tổng kết thực hiện Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH về xác định mức độ khuyết tật; và nhiều công văn hướng dẫn thực thi chính sách, kế hoạch, chương trình liên quan về việc thực hiện nhiệm vụ ngành.

- Ban hành các Kế hoạch số 1293/KH-UBND ngày 17/10/2025 của UBND phường Hương Trà về kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025; Kế hoạch số 1634/KH-UBND ngày 17/11/2025 của UBND phường Hương Trà về triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn phường Hương Trà năm 2025; Kế hoạch số 2046/KH-UBND ngày 16/12/2025 của UBND phường Hương Trà về Kế hoạch triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 – Dự án 7. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025; Tổ chức tập huấn hướng dẫn quy trình, công cụ, phương pháp và rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025; Báo cáo số 2203/BC-UBND ngày 25/12/2025 của UBND phường Hương Trà về Kế quả thực hiện Tiểu dự án 6. Truyền thông và Giảm nghèo về thông tin năm 2025; Quyết định số 01a/QĐ-UBND ngày 5/01/2026 của UBND phường Hương Trà về việc công nhận kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn phường Hương Trà; Kế hoạch số 1076/KH-UBND ngày 02/04/2026 của UBND phường Hương Trà về

triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn phường Hương Trà năm 2026.

- Số cuộc họp đã triển khai: 01.
- Số lượt kiểm tra, giám sát nội bộ: 00.

2. Kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội (từ ngày 01/7/2025 đến tháng 5/2026)

2.1. Trợ giúp xã hội (bảo trợ xã hội): Trợ cấp hàng tháng, trợ giúp đột xuất cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em mồ côi, và các nhóm đối tượng đặc biệt khó khăn.

+ Tổng số đối tượng bảo trợ xã hội: 2.066 người (số liệu tháng 5/2026)

Trong đó:

- Trợ cấp hưu trí xã hội: 856 người.
- Người cao tuổi cô đơn, không nơi nương tựa thuộc hộ nghèo: 23 người
- Người khuyết tật: 1.057 người
- Người đơn thân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang nuôi con nhỏ: 14 người
- Trẻ em mồ côi: 8 người
- Đối tượng khác: 289 người

- Tổng kinh phí chi trả năm 2025 (từ 01/7/2025 đến 31/12/2025): 9.478.000.000 đồng

- Tổng kinh phí chi trả từ tháng 01 đến tháng 4 năm 2026: 8.306.250.000 đồng

- Tỷ lệ chi trả đúng, đủ, kịp thời: 100 %

- Tỷ lệ đối tượng nhận chế độ hàng tháng qua thẻ Ngân hàng 83,01% (1715/2066 người)

2.2 Bảo hiểm y tế

- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân năm 2025: 24.734 người/24.909 người, đạt 99,3%;

- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đến tháng 30/4/2026: 28.545 người/28.718 người, đạt 99,4%;

- Số người chưa tham gia bảo hiểm y tế năm 2025: 174 người, chiếm 0,7%;

- Số người chưa tham gia bảo hiểm y tế đến 30/4/2026: 172 người, chiếm 0,6%;

- Tỷ lệ hộ nghèo tham gia BHYT: 100%;

- Tỷ lệ hộ cận nghèo tham gia BHYT: 100%.

- Báo cáo làm rõ có hay không nợ đọng, khó khăn trong vận động tham gia BHYT:

+ Số trường hợp nợ đọng, gián đoạn tham gia BHYT năm 2025: 0 trường hợp;

+ Số trường hợp nợ đọng, gián đoạn tham gia BHYT đến 30/4/2026: 0 trường hợp;

+ Số đối tượng thuộc nhóm tham gia tự nguyện (hộ gia đình) chưa tham gia năm 2025: 174 người;

+ Số đối tượng thuộc nhóm tham gia tự nguyện (hộ gia đình) chưa tham gia đến 30/4/2026: 172 người;

- Nhóm đối tượng chưa tham gia BHYT chủ yếu tập trung ở nhóm tham gia tự nguyện theo hộ gia đình. Năm 2025 còn 174 người chưa tham gia; đến ngày 30/4/2026 còn 172 người chưa tham gia. Chủ yếu là các trường hợp người dân đang tạm thời chưa đóng lại kịp do gặp khó khăn, chưa đủ tiền gia hạn thẻ BHYT hằng năm, một số trường hợp người lao động nghỉ tại các công ty, doanh nghiệp, làm ăn xa chưa tham gia lại BHYT hộ gia đình.

- Tỷ lệ người chưa tham gia BHYT hoặc tham gia chưa kịp thời cũng ảnh hưởng một phần đến quá trình thực hiện mục tiêu BHYT toàn dân của địa phương.

Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận người dân chưa tham gia hoặc tham gia gián đoạn làm giảm tính bao phủ đồng bộ của chính sách, ảnh hưởng đến mục tiêu chăm sóc sức khỏe toàn dân và tính bền vững của hệ thống an sinh xã hội.

2.3 Bảo hiểm xã hội

- Tỷ lệ người dân tham gia BHXH năm 2025: 4.369 trường hợp, đạt 31,69% lực lượng lao động trong độ tuổi.

- Tỷ lệ người dân tham gia BHXH đến 30/4/2026: 4.399 trường hợp, đạt 31,99% lực lượng lao động trong độ tuổi.

2.4 Bảo hiểm thất nghiệp

- Tỷ lệ người dân tham gia BHTN năm 2025: 3.119 trường hợp, đạt 29,52% lực lượng lao động trong độ tuổi.

- Tỷ lệ người dân tham gia BHTN đến 30/4/2026: 3.171 trường hợp, đạt 29,74% lực lượng lao động trong độ tuổi.

2.5 Hỗ trợ đột xuất

- Trong năm 2025 hỗ trợ đột xuất cho 01 hộ gia đình có người chết do lũ lụt với số tiền 25.000.000 đồng. Đồng thời phân bổ 50 tấn gạo để hỗ trợ đột xuất, cấp bách cho 3.333 người dân trên địa bàn phường bị ảnh hưởng thiên tai, mưa lũ (15kg/người)

3. Kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo

- Công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn phường cơ bản được triển khai đúng quy trình, kế hoạch theo hướng dẫn của cấp trên. UBND phường đã ban hành kế hoạch rà soát, phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ phụ trách và các tổ dân phố; tổ chức tuyên truyền để người dân nắm rõ mục đích, tiêu chí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Việc tổ chức họp bình xét tại cộng đồng dân cư được thực hiện công khai, dân chủ với sự tham gia của Ban công tác Mặt trận, các đoàn thể và đại diện hộ dân. Các tổ dân phố đều tổ chức họp để rà soát, bình xét từng trường hợp cụ thể theo tiêu chí quy định; kết quả được người dân tham gia đóng góp ý kiến trực tiếp.

- Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo sau bình xét được niêm yết công khai tại nhà sinh hoạt cộng đồng và UBND phường theo đúng thời gian quy định nhằm bảo đảm tính minh bạch, tạo điều kiện để nhân dân theo dõi, phản ánh nếu có sai sót.

- Sau khi tổng hợp từ các tổ dân phố, UBND phường tiến hành thẩm định, đối chiếu thông tin, hoàn thiện hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Công tác cập nhật, quản lý dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo trên hệ thống quản lý cơ bản được thực hiện đầy đủ; hồ sơ rà soát được lưu trữ tương đối đầy đủ, phục vụ công tác theo dõi, kiểm tra.

- Trong quá trình thực hiện vẫn còn một số khó khăn như: một số hộ có thu nhập không ổn định, biến động lao động thường xuyên nên việc xác định mức sống còn gặp khó khăn; một số hộ chưa hợp tác đầy đủ trong cung cấp thông tin; cán bộ cơ sở kiêm nhiệm nhiều công việc nên việc cập nhật dữ liệu đôi lúc còn chậm.

- Qua rà soát, địa phương chưa phát hiện tình trạng phổ biến xin vào danh sách hộ nghèo không đúng quy định; tuy nhiên vẫn có một vài trường hợp người dân có kiến nghị, phản ánh liên quan đến kết quả bình xét. Các ý kiến phản ánh, khiếu nại đều được UBND phường phối hợp với tổ dân phố kiểm tra, xác minh và xử lý kịp thời, đúng quy định. Các đối tượng thực sự khó khăn hoặc xác định chưa sát thực tế có xảy ra ở một số ít trường hợp do biến động hoàn cảnh sống, sau khi phát hiện đã tổ chức rà soát, bổ sung theo quy định.

- Hiện nay, các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo trên địa bàn chủ yếu tập trung ở các nội dung như: việc làm ổn định, thu nhập, bảo hiểm y tế, điều kiện nhà ở, tiếp cận thông tin và điều kiện học tập của con em hộ nghèo.

- Thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo:

Năm	Tổng số hộ nghèo			Tổng số hộ cận nghèo			Số hộ thoát nghèo	Số hộ thoát cận nghèo	Ghi chú
	Số hộ	Số khẩu	Tỷ lệ %	Số hộ	Số khẩu	Tỷ lệ %			
2024	65	146	0,92	31	85	0,44	3	0	
2025	53	122	0,76	26	66	0,37	12	9	

Trong đó: Hộ nghèo không có khả năng lao động 32 hộ chiếm tỷ lệ 0,45%; hộ nghèo có thành viên là người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng 38 hộ, chiếm tỷ lệ 0,53%; hộ nghèo đơn thân 26 hộ, chiếm tỷ lệ 0,37%.

Công tác tuyên truyền về chính sách giảm nghèo bền vững: Trong năm 2025 UBND đã tổ chức 01 buổi hội nghị về giảm nghèo trong bình đẳng giới.

Năm 2026 tiếp tục triển khai để giải ngân và thực hiện tuyên truyền thêm nhiều buổi tập huấn nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ tham gia công tác giảm nghèo trên địa bàn phường.

- Giải pháp hỗ trợ hộ nghèo theo địa chỉ: (*Vốn đầu tư sản xuất, việc làm, đào tạo nghề, xây dựng, sửa chữa nhà ở, hỗ trợ đất sản xuất...*): Hiện nay việc tiếp cận để hỗ trợ giảm nghèo xuất phát từ nhu cầu của các hộ nghèo để áp dụng các loại hỗ trợ phù hợp, tuy nhiên vấn đề này rất khó thực hiện do đa số không đảm bảo về sức khỏe, điều kiện liên quan để tiếp cận các nguồn hỗ trợ.

- Công tác phối hợp các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể liên quan để thực hiện chính sách hỗ trợ dịch vụ xã hội cơ bản, nhu cầu của hộ nghèo:

+ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị là cơ quan chủ trì, điều phối chung, tổ chức rà soát đối tượng, phân loại nhu cầu và tham mưu phân bổ nguồn lực hỗ trợ chính xác, trực tiếp giải quyết các hỗ trợ vốn đầu tư sản xuất, sửa nhà ở, đầu nối nước sạch,...

+ Phòng Văn hóa – Xã hội là cơ quan trực tiếp giải quyết các chiểu thiểu hụt dịch vụ xã hội cơ bản: cấp thẻ BHYT, miễn giảm học phí, đào tạo nghề,...

+ Các Tổ trưởng dân phố: Bám sát địa bàn "đi từng ngõ, gõ từng nhà", trực tiếp nắm bắt nguyện vọng, đảm bảo chính sách hỗ trợ đến đúng đối tượng, đúng địa chỉ và không bị bỏ sót.

+ Ủy ban MTTQVN phường và các tổ chức đoàn thể: Tuyên truyền, huy động Quỹ "Vì người nghèo" và các nguồn xã hội hóa; nhận ủy thác từ Ngân hàng Chính sách Xã hội để hỗ trợ vốn; trực tiếp giám sát và giúp đỡ ngày công, sinh kế cho các hộ.

- Kết quả triển khai thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

+ Chính sách hỗ trợ về giáo dục đào tạo, giải quyết việc làm: Đang nghiên cứu chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm, nội dung này phụ thuộc vào nhu cầu đăng ký của các hộ.

+ Chính sách hỗ trợ Bảo hiểm y tế: 100% hộ được tham gia.

+ Chính sách hỗ trợ nhà ở, xoá nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn phường: Tổng số hộ được hỗ trợ: 01 hộ (Hoàng Thị Ly, TDP Lại Bằng 1, thuộc đối tượng hộ có khó khăn khác); Tỷ lệ giải ngân: đạt 100 %, giá trị giải ngân 60 triệu đồng (xây mới đã hoàn thành công trình).

+ Chính sách trợ cấp xã hội cho đối tượng yếu thế: Các đối tượng được hưởng chính sách bảo trợ đầy đủ.

+ Chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội: Hỗ trợ đầy đủ theo đúng các chính sách được hưởng.

+ Chính sách hỗ trợ vay vốn: Các hộ được tạo điều kiện vay vốn tại ngân hàng chính sách với mức lãi suất phù hợp nhất.

Sau khi triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Phòng giao dịch

NHCSXH Hương Trà tiếp tục duy trì ổn định mô hình tổ chức, phân công cán bộ phụ trách địa bàn phù hợp với đơn vị hành chính mới. Hoạt động tín dụng chính sách trên địa bàn cũng tiếp tục được duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu vay vốn của hộ nghèo và các đối tượng chính sách.

Đến thời điểm hiện tại (27/5/2026), tổng dư nợ trên địa bàn phường Hương Trà đạt 87.831 triệu đồng với 1.556 hộ, còn dư nợ tăng 7.746 triệu đồng so với 01/07/2025 (thời điểm thành lập phường Hương Trà), có 57 tổ tiết kiệm và vay vốn. Các chương trình vay vốn tín dụng chính sách cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chương trình tín dụng	Thực hiện đến 31/05/2026		Tăng (+)/giảm (-) so với 01/07/2025			
		Tổng dư nợ	Trong đó:		Tổng dư nợ	Trong đó:	
			Nợ quá hạn	Nợ khoanh		Nợ quá hạn	Nợ khoanh
1	Cho vay ưu đãi hộ nghèo - Nghị định 78/2002	715	0	0	-489	0	0
2	Cho vay hộ cận nghèo	6.195	0	0	-3.682	0	0
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo	80.921	0	0	+11.917	0	0
Cộng		87.831	0	0	7.746	0	0

- Kết quả triển khai dự án “đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo”: (Nguồn vốn phân bổ, số hộ thụ hưởng, đối tượng, kết quả giải ngân...)

+ Kết quả dự án “nuôi bò lai sinh sản”:

* *Giai đoạn trước 01/7/2025*: Hỗ trợ người dân tổng số 64 con bò (32 hộ, mỗi hộ 02 con); hiện nay còn lại 25 con (Hương Vân 17 con, Hương Văn 4 con, Tứ hạ 4 con), chết và dân tự bán 29 con.

* *Giai đoạn từ 01/7/2025 đến nay*: không thực hiện, lý do các hộ dân không có nhu cầu.

+ Tình hình chăn nuôi các hộ thuộc dự án: Hộ nghèo đa chiều phần lớn là đối tượng mất sức lao động hoặc không đủ sức khỏe để thực hiện mô hình chăn nuôi đưa ra; Giống bò lai sinh sản yêu cầu kỹ thuật chăm sóc phức tạp, bò khó thích nghi với đặc điểm tình hình của địa phương, bên cạnh đó kiến thức chăn nuôi của các hộ gia đình có phần hạn chế, việc áp dụng kỹ thuật chăn nuôi còn thiếu dẫn đến rất khó phối giống, tỷ lệ phối giống thành công thấp và chu kỳ sinh sản kéo dài dẫn đến hiệu quả kinh tế không cao; Các giải pháp hỗ trợ truyền thống

như cấp vốn, đào tạo nghề, hỗ trợ đất sản xuất hoàn toàn không khả thi và gây áp lực lớn cho hộ gia đình do họ không có khả năng tự vận hành mô hình.

+ Các dự án khác (nếu có): không

4. Phòng ngừa tái nghèo, phát sinh nghèo

4.1 Tái nghèo:

- Số hộ đã thoát nghèo năm 2025: 12 hộ.
- Số hộ tái nghèo: 0 hộ; Tỷ lệ tái nghèo: 0 %.
- Số hộ có nguy cơ tái nghèo hiện nay: 0 hộ.

4.2 Phát sinh nghèo:

- Số hộ phát sinh nghèo: 0 hộ; Tỷ lệ phát sinh nghèo: 0 %
- Số hộ có nguy cơ phát sinh nghèo hiện nay: 0 hộ

5. Việc làm – đào tạo nghề

- Số lao động trong độ tuổi: 13.904 người
- Số lao động có việc làm: 13.904 người
- Tỷ lệ thất nghiệp: 0 %
- Số lao động được đào tạo nghề: 11.482 người. Trong đó: Có việc làm sau đào tạo: 11.482 người; Tỷ lệ có việc làm: 100 %
- Số lao động được giới thiệu việc làm 474 người
- Kinh phí của nhà nước chi hỗ trợ đào tạo nghề: Năm 2025: 0 đồng; năm 2026 (đến thời điểm giám sát) 0 đồng
- Số người tham gia lao động ở nước ngoài theo hợp đồng từ ngày 01/7/2025 đến thời điểm giám sát là 55 người/so sánh với chỉ tiêu đề ra hằng năm 55/75 đạt tỷ lệ 73,33%.

***. Nguyên nhân, hạn chế:**

a. Nguyên nhân khách quan:

- Công tác giảm nghèo liên quan nhiều lĩnh vực, trong khi nguồn lực đầu tư cho phát triển hạ tầng, hỗ trợ sinh kế và cải thiện điều kiện sống còn hạn chế.
- Một số công trình hạ tầng kỹ thuật xuống cấp nhưng chưa được bố trí kinh phí đầu tư, nâng cấp kịp thời.
- Việc huy động nguồn lực xã hội hóa cho công tác giảm nghèo còn hạn chế; sự hỗ trợ từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chưa đáp ứng nhu cầu thực tế.
- Biến động giá cả thị trường, thiên tai, dịch bệnh và tình hình kinh tế khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập, việc làm của người dân, làm gia tăng nguy cơ tái nghèo.

b. Nguyên nhân chủ quan:

- Việc hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế và giải quyết việc làm cho hộ nghèo còn gặp khó khăn do quy mô sản xuất nhỏ lẻ; một số hộ thiếu kinh nghiệm

và kiến thức về sản xuất, chăn nuôi chưa mạnh dạn chuyển đổi mô hình kinh tế; nhiều hộ không đảm bảo sức khỏe để thực hiện nhận các mô hình sản xuất.

- Công tác đào tạo nghề, giới thiệu việc làm hiệu quả chưa cao; một bộ phận lao động thuộc hộ nghèo trình độ tay nghề thấp hoặc thiếu tính chủ động trong tìm kiếm việc làm.

- Một số hộ nghèo còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chưa chủ động vươn lên phát triển kinh tế.

- Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả các mô hình hỗ trợ sinh kế còn gặp khó khăn. Công tác cập nhật, quản lý thông tin, tham mưu và tổ chức thực hiện ở một số thời điểm còn chậm do cán bộ kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực.

6. Đánh giá chung:

a. Ưu điểm

- UBND phường thường xuyên bám sát Nghị quyết, kế hoạch của các cấp triển khai thực hiện kịp thời các chủ trương của Nhà nước đối với ngành và tham mưu lãnh đạo phường những giải pháp tích cực có hiệu quả gắn với việc tăng cường kiểm tra, giám sát nên nhiều chỉ tiêu nhiệm vụ trên địa bàn phường đạt được nhiều kết quả, góp phần tích cực vào việc tăng trưởng kinh tế cũng như đảm bảo an sinh, xã hội, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân.

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội, trong đó người cao tuổi được hưởng chính sách từ 80 tuổi đã giảm xuống còn 75 tuổi và 70 tuổi đối với người nghèo, cận nghèo tạo nhiều niềm vui cho cao tuổi.

- Công tác chăm sóc người khuyết tật luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng uỷ, UBND phường. Người khuyết tật nói riêng, đối tượng bảo trợ xã hội nói chung luôn nhận được sự hưởng ứng ủng hộ, giúp đỡ, tạo điều kiện để người khuyết tật vươn lên, hoà nhập cộng đồng.

- Các trường học đã phối hợp với chính quyền địa phương và cha mẹ học sinh để vận động học sinh trong độ tuổi đến trường. Việc huy động trẻ khuyết tật hoà nhập cộng đồng đã giúp các em xoá dần mặc cảm, giúp các em hoà nhập vào môi trường sống, biết cách sinh hoạt tập thể, rèn luyện một số kỹ năng sống nhất định.

- Chính sách không chỉ tập trung hỗ trợ thu nhập mà đã bao phủ toàn diện 6 dịch vụ xã hội cơ bản (Y tế, Giáo dục, Nhà ở, Nước sạch & Vệ sinh, Thông tin, Việc làm). Cơ chế cấp thẻ BHYT miễn phí và miễn giảm học phí giúp hộ nghèo giảm tối đa gánh nặng chi phí, ngăn chặn hiệu quả nguy cơ tái nghèo do biến cố y tế, giáo dục.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan với Ủy ban MTTQ và các ban, ngành, đoàn thể được vận hành nhịp nhàng, giúp phát huy được sức mạnh tổng hợp. Ngân

hàng Chính sách Xã hội lo vốn vay cho các đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Việc triển khai các lớp tập huấn quy trình rà soát và bắt buộc ứng dụng phần mềm quản lý, App di động thông minh cho lực lượng điều tra viên (Tổ trưởng TDP) là bước đột phá lớn. Chính sách này giúp chuẩn hóa dữ liệu, nhận diện chính xác "địa chỉ nghèo" và nguyên nhân nghèo cụ thể của từng hộ, loại bỏ hoàn toàn cảm tính trong bình xét và giúp việc ra quyết định hỗ trợ đạt độ chính xác cao.

b. Hạn chế và nguyên nhân

- Bên cạnh kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn còn một số hạn chế.

- Nhiều đối tượng là người cao tuổi, người khuyết tật, ốm đau thường xuyên, đột xuất cán bộ phụ trách chính sách bảo trợ xã hội thường gặp nhiều khó khăn trong việc mời đối tượng để đăng ký mở tài khoản hoặc xác nhận Giấy ủy quyền cho đối tượng.

- Nhiều đối tượng là người cao tuổi có con cháu làm ăn xa hoặc già cả neo đơn không có điện thoại di động và không biết ủy quyền cho ai nên khó khăn trong việc mở tài khoản ngân hàng.

- Hiện nay chưa có cơ sở sản xuất lồng ghép hoặc dành riêng cho người khuyết tật, ít có nhà tài trợ, doanh nghiệp, công ty nhận đỡ đầu, nhận người khuyết tật vào làm việc, nguồn sinh sống của người khuyết tật chủ yếu phụ thuộc vào người thân trong gia đình.

- Phần lớn người lao động trẻ rời địa phương đi làm ăn xa tại các đô thị lớn khiến lực lượng lao động tại địa phương bị thu hẹp hoặc mất cân đối.

- Cán bộ phụ trách lĩnh vực lao động việc làm theo hình thức kiêm nhiệm dẫn đến thiếu kỹ năng chuyên sâu về phân tích thị trường lao động.

- Người lao động sau khi tốt nghiệp lớp 12 vẫn còn đặt nặng vấn đề học tiếp đến Đại học, Cao đẳng khiến các trường, trung tâm dạy nghề gặp khó khăn trong việc tuyển sinh đầu vào.

- Phần lớn các hộ nghèo đa chiều còn lại đã mất hoàn toàn sức lao động hoặc không đủ sức khỏe, khiến các giải pháp cơ học như cấp vốn đầu tư sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm hay hỗ trợ đất sản xuất trở nên bất khả thi và không hiệu quả.

7. Kiến nghị, đề xuất

Kiến nghị nghiên cứu sửa đổi các nội dung không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số, thay đổi mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội vẫn còn thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021

của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện vẫn còn áp dụng theo Thông tư 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Kiến nghị đề xuất với UBND thành phố và các Sở chuyên ngành:

+ Quan tâm bố trí thêm nguồn kinh phí để thực hiện các chương trình giảm nghèo, an sinh xã hội và đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tại các khu vực còn khó khăn.

+ Có cơ chế hỗ trợ phù hợp nhằm tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi để phát triển sản xuất, tạo sinh kế và ổn định đời sống.

+ Tăng cường mở các lớp đào tạo nghề gắn với nhu cầu thực tế của thị trường lao động; hỗ trợ kết nối, giới thiệu việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

+ Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về công tác giảm nghèo, quản lý dữ liệu và thực hiện chính sách an sinh xã hội cho cán bộ cơ sở.

+ Có giải pháp hỗ trợ địa phương trong việc huy động nguồn lực xã hội hóa và nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, bền vững.

+ Kính đề nghị UBND thành phố chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các ngành liên quan tiến hành khảo sát, đánh giá lại toàn diện tính hiệu quả của dự án nuôi bò sinh sản. Thực tế cho thấy mô hình này đạt hiệu quả rất thấp và rào cản từ đặc tính giống bò lai kén nuôi, khó phối giống.

8. Nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội, trên địa bàn phường trong thời gian đến:

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cộng đồng dân cư và toàn xã hội quan tâm, trợ giúp người khuyết tật và các đối tượng yếu thế. Tạo môi trường thuận lợi để người khuyết tật và các đối tượng yếu thế được tham gia bình đẳng vào các hoạt động của xã hội, vươn lên trong cuộc sống. Hỗ trợ điều kiện cho người khuyết tật được tiếp cận các chính sách trợ giúp, các dịch vụ xã hội nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật được tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao; tiếp cận và sử dụng các dịch vụ: công nghệ thông tin và truyền thông, y tế, phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng, giáo dục một cách hiệu quả nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

- Phấn đấu tăng dần tỉ lệ các công trình là trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục thể thao đảm bảo điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật.

- Phân đầu 100% người khuyết tật có khó khăn về tài chính được trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu.

- Tiếp tục đảm bảo chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định.

- Trong thời gian tới, tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức phù hợp như tham gia đóng BHYT hộ gia đình với hạn thẻ 3 tháng, 6 tháng hoặc 12 tháng; rà soát các nhóm đối tượng chưa tham gia để tuyên truyền trực tiếp; phối hợp với cơ quan BHXH và các đoàn thể hỗ trợ người dân tiếp cận chính sách, phấn đấu nâng tỷ lệ bao phủ BHYT toàn dân đạt và duy trì ở mức cao, tiến tới đạt 100% dân số tham gia BHYT.

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các khu dân cư; lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội với mục tiêu giảm nghèo bền vững và nâng cao đời sống nhân dân.

- Theo dõi, nắm bắt tình hình đời sống của hộ mới thoát nghèo, hộ có nguy cơ tái nghèo để có giải pháp hỗ trợ kịp thời; hạn chế phát sinh hộ nghèo mới và phòng ngừa tái nghèo trên địa bàn.

- Rà soát đánh giá mức độ thiếu hụt cụ thể từng hộ nghèo để có phương án chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan liên quan áp dụng mô hình giúp thoát nghèo phù hợp; phấn đấu đến năm 2030 trên địa bàn phường Hương Trà không còn hộ nghèo.

- Thực thi chính sách tín dụng ưu đãi; các đoàn thể (Hội Phụ nữ, Nông dân,...) hỗ trợ thủ tục giải ngân nhanh nguồn vốn vay từ Ngân hàng Chính sách Xã hội để giải quyết việc làm, mở rộng sản xuất ...

Trên đây là báo cáo việc thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và phòng ngừa tái nghèo trên địa bàn phường Hương Trà./.

Nơi nhận:

- Ban VH-XH HĐND phường;
- UBND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Phòng KT,HTĐT;
- Phòng VH-XH;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Văn Tú